



# UPS

Uninterruptible  
Power Supply



## BL SERIES 1000VA, 1200VA

### Line-Interactive Offline

## ► ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO

### ⦿ Ngưỡng điện áp ngõ vào rộng

Đây là series UPS áp dụng CPU công nghệ điều khiển tích hợp, cho phép UPS đáp ứng kịp thời và chính xác khi cúp điện.

Điện áp ngõ vào tăng hoặc giảm thậm chí quá xảy ra khi UPS đang hoạt động. Tính năng bảo vệ của UPS cung cấp bảo vệ kịp thời cho các thiết bị. UPS tích hợp chức năng khởi động tự động, chức năng điều chỉnh điện áp tự động và một loạt các tiện ích đầu vào, do đó, nó được áp dụng cho tất cả các loại môi trường điện. Đồng UPS tương tác lưới các đặc điểm bao hàm cho máy tính, máy trạm và hệ thống POS. Sử dụng trong gia thông thông tin liên lạc, phát thanh và truyền hình, và bệnh viện, điều khiển công nghiệp, quốc phòng. Phòng máy tính, trung tâm dữ liệu, và các máy chủ cho các yêu cầu điện năng của môi trường thiết bị mạng, truyền thông nghiêm ngặt và thông tin.

### ⦿ Phạm vi điện áp ngõ vào rộng

UPS cung cấp điện áp hoạt động bình thường và ổn định trong phạm vi điện áp đầu vào của nó. Khi điện áp đầu vào vượt ra khỏi phạm vi an toàn UPS sẽ chuyển sang chế độ pin và bật cảnh báo cho bạn biết. Chế độ tự động giữ cho công suất đầu ra bảo vệ các thiết bị như máy tính, các thiết bị có sử dụng UPS..., đảm bảo các thiết bị sẽ không bị phá hủy bởi điện áp quá cao hay quá thấp, người dùng có thể tiếp tục sử dụng thiết bị hoặc lưu dữ liệu trên máy tính trong khi mạng lưới điện không ổn định.

### ⦿ Chức năng AVR (điều chỉnh điện áp tự động)

Trong phạm vi điện áp đầu vào của UPS theo 3 bước của chức năng AVR thông minh, UPS cung cấp điện áp đầu ra ổn định.

### ⦿ Phạm vi điện áp ngõ vào rộng

Trong chế độ mất điện lưới, điện áp đầu ra ngắt đột ngột là do UPS bị quá tải, sau khi công suất của tải thấp hơn so với công suất của UPS thì điện áp đầu ra sẽ trở lại bình thường, nó đảm bảo UPS sẽ không khởi động đột ngột do tình trạng quá tải gây ra trong khi máy tính đang làm việc và các thiết bị khác được thêm vào.

### ⦿ Quản lý điện năng

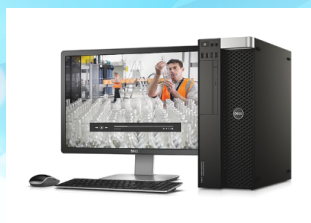
Giao diện chuẩn USB (tùy chọn) có thể thực hiện quản lý trên màn hình quản trị, thuận tiện hơn thông qua phần mềm giám sát năng lượng.



## ► ỨNG DỤNG



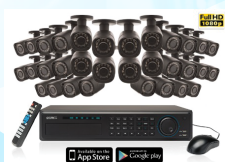
Epos



Computer



Smart phone



Wifi



CCTV



Modem



Led Light



Switch



Scan



Printer



Timekeeper

## ► TÍNH NĂNG UPS

- Ngưỡng điện áp ngõ vào rộng và hệ số công suất đầu vào cao
- Hiệu suất ngõ vào 98%, hệ số công suất 0.6PF
- LCD hiển thị: Điện áp ngõ vào/ngõ ra, % tải UPS đang cung cấp, dung lượng ắc quy, trạng thái hoạt động (chế độ điện lưới hoặc chế độ dự phòng khi mất điện).
- Cảnh báo ắc quy yếu bằng âm thanh
- Hoạt động không gây ồn
- Tự kiểm tra khi khởi động
- Sạc tự động ở 2 chế độ ON và OFF
- Tự động cảm biến tần số nguồn vào
- Kiểm soát hoạt động UPS và môi trường điện bằng vi xử lý
- UPS tương thích máy phát điện
- Tự khởi động khi điện lưới phục hồi
- Sử dụng được cho thiết bị có tải nhỏ như modem, switch, wifi, đèn led...
- Có tích hợp chức năng tự động ổn áp trong UPS
- Tự động chuyển sang chế độ ắc quy khi điện lưới vào quá áp hoặc sụt áp quá thấp
- Bảo vệ: quá áp, sụt áp, ngắn mạch, quá tải
- Kết nối máy tính bằng cổng USB (tùy chọn)
- Phần mềm Power Manager (tùy chọn) hỗ trợ giám sát UPS, tắt máy tính, bật tắt UPS và máy tính tự động

## ► Thông số kỹ thuật

| Model                                    | BL1000 LCD                                                                                                                                     | BL1200 LCD         |
|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>Tổng Quan</b>                         |                                                                                                                                                |                    |
| Công nghệ tiết kiệm năng lượng           | Offline                                                                                                                                        |                    |
| <b>Hình dạng</b>                         |                                                                                                                                                |                    |
| Chuẩn                                    | Tower                                                                                                                                          |                    |
| <b>Ngõ vào</b>                           |                                                                                                                                                |                    |
| Tương thích với máy phát điện            | Có                                                                                                                                             |                    |
| Điện áp đầu vào danh định                | 220VAC                                                                                                                                         |                    |
| Phạm vi điện áp đầu vào                  | 145VAC - 290VAC                                                                                                                                |                    |
| Tần số đầu vào                           | 50Hz/60Hz (40~65Hz)                                                                                                                            |                    |
| Phát hiện tần số đầu vào                 | Có                                                                                                                                             |                    |
| <b>Ngõ ra</b>                            |                                                                                                                                                |                    |
| Công suất                                | 1000VA                                                                                                                                         | 1200VA             |
| Công suất                                | 600W                                                                                                                                           | 720W               |
| Dạng sóng ở chế độ ắc quy                | Mô phỏng sóng sine                                                                                                                             |                    |
| Điện áp ở chế độ ắc quy                  | 220VAC ±10%                                                                                                                                    |                    |
| Tần số ở chế độ ắc quy                   | 50Hz ± 0.5Hz                                                                                                                                   |                    |
| Điều chỉnh điện áp tự động (AVR)         | Có                                                                                                                                             |                    |
| Hệ số công suất ngõ ra                   | 0.6                                                                                                                                            |                    |
| Bảo vệ quá tải                           | Cầu chì                                                                                                                                        |                    |
| Ổ cắm ngõ ra                             | 7                                                                                                                                              |                    |
| Dạng ổ cắm ngõ ra                        | IEC Universal *4 & C13 *3                                                                                                                      |                    |
| Ổ cắm ắc quy bảo vệ chống sét lan truyền | 7                                                                                                                                              |                    |
| Thời gian chuyển mạch                    | '4 - 6ms                                                                                                                                       |                    |
| <b>Ắc quy</b>                            |                                                                                                                                                |                    |
| Ắc quy                                   | 12V7.2Ah                                                                                                                                       | 12V7.2Ah           |
| Số lượng ắc quy                          | 2 cái                                                                                                                                          | 2 cái              |
| Dòng sạc định mức                        | 0.9A (Lớn)                                                                                                                                     |                    |
| Thời gian sạc                            | Thời gian phục hồi đến 90% dung lượng: 4-6 giờ                                                                                                 |                    |
| Loại ắc quy                              | Ắc quy axit chì kín khí, không cần bảo dưỡng.                                                                                                  |                    |
| <b>Thời gian dự phòng</b>                |                                                                                                                                                |                    |
| Chế độ ắc quy                            | UPS tự động tắt khi ắc quy yếu                                                                                                                 |                    |
| Máy tính để bàn + màn hình 24 inch *1    | 55 phút                                                                                                                                        | 55 phút            |
| Máy tính để bàn + màn hình 24 inch *2    | 22 phút                                                                                                                                        | 22 phút            |
| Máy tính để bàn + màn hình 24 inch *3    | -                                                                                                                                              | -                  |
| Thời gian hoạt động 25% tải              | 34 phút                                                                                                                                        | 34 phút            |
| Thời gian hoạt động 50% tải              | 11 phút                                                                                                                                        | 11 phút            |
| Quá tải                                  | Quá tải từ 101%: UPS cảnh báo và tự động tắt sau 10 giây                                                                                       |                    |
| <b>Bảo vệ chống xung và lọc nhiễu</b>    |                                                                                                                                                |                    |
| Lọc nhiễu EMI/RFI                        | Có                                                                                                                                             |                    |
| <b>Quản lý và giao tiếp</b>              |                                                                                                                                                |                    |
| Màn hình LCD hiển thị                    | Điện áp ngõ vào/ngõ ra, % tải UPS đang cung cấp, dung lượng ắc quy, trạng thái hoạt động (chế độ điện lưới hoặc chế độ dự phòng khi mất điện). |                    |
| Kết nối máy tính                         | Cổng USB (Tùy chọn)                                                                                                                            |                    |
| Phần mềm                                 | Manager Power cho phép giám sát, tự động tắt và hệ thống với tất cả các Windows (Tùy chọn)                                                     |                    |
| <b>Kích thước vật lý</b>                 |                                                                                                                                                |                    |
| Kích thước UPS (D*W*H)                   | 330*120*190mm ± 2%                                                                                                                             | 330*120*190mm ± 2% |
| Cân nặng                                 | 8.85kg ± 2%                                                                                                                                    | 8.85kg ± 2%        |
| <b>Môi trường</b>                        |                                                                                                                                                |                    |
| Nhiệt độ hoạt động                       | 0-45°C                                                                                                                                         |                    |
| Độ ẩm tương đối khi vận hành             | Độ ẩm tương đối 10-90% (không ngưng tụ)                                                                                                        |                    |
| <b>Bảo hành</b>                          |                                                                                                                                                |                    |
| Thời hạn bảo hành sản phẩm               | 2 năm                                                                                                                                          |                    |

\*Lưu ý: Thông số kỹ thuật có thể thay đổi tùy thuộc vào giai đoạn sản xuất